

## BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
		Không chịu thuế GTGT		
<b>I</b>	<b>DỊCH VỤ BẢO LÃNH</b>			
<b>1</b>	<b>Phí bảo lãnh</b>			
<b>1.1</b>	<b>Ký quỹ 100%</b>	0,035%/tháng	150.000đ	3.000.000đ
<b>1.2</b>	<b>Ký quỹ dưới 100% hoặc miễn ký quỹ</b>			
1.2.1	Số tiền bảo lãnh đã ký quỹ	0,035%/tháng	150.000đ	3.000.000đ
1.2.2	Số tiền chưa được ký quỹ (thu tròn 1/2 tháng) được bảo đảm bằng các tài sản tương ứng sau			
a	Số dư tiền gửi, GTCG do Kienlongbank phát hành	0,08%/tháng	150.000đ	3.000.000đ
b	Số dư tiền gửi, GTCG do ngân hàng khác phát hành	0,12%/tháng		
c	Bất động sản	0,14%/tháng		
d	Tài sản khác	0,16%/tháng		
e	Không có tài sản đảm bảo	0,25%/tháng		
f	Ngân hàng nước ngoài bảo lãnh	0,08%/tháng		
<b>2</b>	<b>Phí tu chỉnh bảo lãnh</b>			
2.1	Sửa đổi tăng giá trị và/hoặc gia hạn (thu bổ sung phần tăng thêm)	Như phát hành thư bảo lãnh		
2.2	Sửa đổi khác	200.000đ		
<b>3</b>	<b>Phí phát hành thư bảo lãnh</b>			
3.1	Theo mẫu Kienlongbank	Miễn phí		
3.2	Theo mẫu của KH được Kienlongbank chấp thuận	Miễn phí		
3.3	Theo mẫu Kienlongbank bằng tiếng Việt và Anh	Miễn phí		
<b>4</b>	<b>Hủy thư bảo lãnh</b>			
4.1	Hủy do hết hiệu lực	Miễn phí		
4.2	Hủy theo đề nghị của khách hàng			
a	Hủy bảo lãnh ký quỹ 100% hoặc khách hàng chưa nhận thư bảo lãnh	Miễn phí		
b	Hủy bảo lãnh ký quỹ dưới 100%			
	- Hủy trong vòng 2 ngày làm việc từ khi phát hành	200.000đ		
	- Hủy sau 2 ngày làm việc từ khi phát hành	Như phát hành thư bảo lãnh		

<b>5</b>	<b>Bảo lãnh ngoài nước</b>			
5.1	Phát hành thư bảo lãnh hoặc Stanby L/C			
5.1.1	Ký quỹ 100%	0,15%/quý	440.000đ	11.000.000đ
5.1.2	Ký quỹ dưới 100%			
a	Số dư tiền gửi, GTCG do Kienlongbank phát hành	0,05%/tháng	440.000đ	
b	Số dư tiền gửi, GTCG do Kienlongbank khác phát hành	0,08%/tháng	440.000đ	
c	Bất động sản	0,10%/tháng	440.000đ	
d	Tài sản khác	0,12%/tháng	440.000đ	
e	Không có tài sản đảm bảo	0,30%/tháng	440.000đ	
5.2	Tu chỉnh bảo lãnh hoặc Standby L/C			
a	Tu chỉnh tăng số tiền	Như phát hành thư bảo lãnh hoặc Standby L/c		
b	Tu chỉnh khác	220.000đ		
5.3	Bảo lãnh thanh toán hối phiếu trả chậm	Như phát hành thư bảo lãnh		
5.4	Hủy thư bảo lãnh	330.000đ		
5.5	Thông báo thư bảo lãnh của NH khác	264.000đ		
5.6	Thông báo tu chỉnh thư bảo lãnh của NH khác	110.000đ		
5.7	Xác nhận thư bảo lãnh	2%/năm	1.100.000đ	11.000.000đ
5.8	Phát hành thư bảo lãnh dựa trên bảo lãnh đối ứng	0,25%/quý	1.100.000đ	11.000.000đ
<b>II</b>	<b>DỊCH VỤ TÍN DỤNG</b>			
<b>1</b>	<b>Trả nợ/thanh lý trước hạn</b>	Miễn phí		
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh kỳ hạn nợ/gia hạn nợ vay</b>	Miễn phí		
<b>3</b>	<b>Phí mượn hồ sơ tài sản đảm bảo</b>			
3,1	GTCG do Kienlongbank phát hành	100.000đ/tài sản		
3,2	Tài sản khác	300.000đ/tài sản		
<b>4</b>	<b>Phí cấp bản sao giấy tờ tài sản bảo đảm</b>	50.000đ/hồ sơ		
<b>5</b>	<b>Cung cấp biểu mẫu</b>			
5,1	Vay cầm cố GTCG do Kienlongbank phát hành	Miễn phí		
5,2	Các trường hợp khác	50.000đ/hồ sơ		
<b>6</b>	<b>Xác nhận bản chính tài sản bảo đảm, số dư tiền gửi, GTCG đang thế chấp, cầm cố tại Kienlongbank theo yêu cầu của KH</b>	300.000đ/hồ sơ		

**Nguyên tắc thu phí:**

1. Biểu phí này không bao gồm thuế GTGT (dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT).
2. Mức phí ngoại tệ được thu bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản niêm yết tại thời điểm thu của Kienlongbank.
3. Các dịch vụ có phát sinh điện phí, bưu phí ngoài nước, sẽ thu thêm phí này theo thực tế phát sinh.
4. Phí dịch vụ đã thu sẽ không hoàn trong trường hợp khách hàng yêu cầu huỷ dịch vụ.
5. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh, hoặc thu gộp một lần khi kết thúc toàn bộ dịch vụ.
6. Trường hợp có Hợp đồng/Thoả thuận giữa Kienlongbank và khách hàng, hoặc sản phẩm dịch vụ có quy định thu phí riêng, đơn vị thực hiện thu phí theo Hợp đồng/Thoả thuận/Quy định của sản phẩm dịch vụ.
7. Thẩm quyền giảm phí dịch vụ như sau: Tổng Giám đốc 30%, Phó Tổng Giám đốc 20%, Giám đốc CN/PGD 10% đối với Biểu phí dịch vụ này và không thuộc chương trình khuyến mãi của Kienlongbank.